

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 46/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009 và các Giấy phép điều chỉnh như sau: Giấy phép điều chỉnh số 69/UBCK-GP ngày 27 tháng 4 năm 2010, giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 7 năm 2013, giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 09 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 12 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2016, giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 03 năm 2020 và giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty là 29.000.000.000 đồng (tương đương 2.900.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, P.Tân Phú, Quận. 7, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ. Thông tư 125/2011/TT-BTC có quy định những nội dung kế toán không hướng dẫn trong Thông tư này, Công ty quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày các báo cáo tài chính từ năm 2015. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa ban hành các hướng dẫn thay thế cho Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011. Do vậy nên Công ty vẫn áp dụng các quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC cho báo cáo tài chính năm 2022.

Đ: 6
CÔ
CÔ
N LÝ
HỨNG
THÁI
-T.F

884
TY
M HỮU
TƯ V
KẾ T
M TOA
VIỆT
HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng mà Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
- Thiết bị quản lý	05	05

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính và các quy định khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland,
Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	208.604.377	102.407.716
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.977.617.252	16.657.956.921
Cộng	19.186.221.629	16.760.364.637
2. Đầu tư ngắn hạn (xem phụ lục 01)		
3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu Nguyễn Thị Thu Hà	300.000.000	-
Phải thu Nguyễn Thành Nhơn	250.000.000	-
Phải thu các đối tượng khác	-	49.963.842
Cộng	550.000.000	49.963.842
4. Dự phòng phải thu khó đòi	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước cho nhà cung cấp	(44.000.000)	(44.000.000)
Cộng	(44.000.000)	(44.000.000)
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí khác chờ phân bổ	2.969.688	2.545.454
Cộng	2.969.688	2.545.454
6. Phải thu dài hạn khác	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.490.000	5.490.000
Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	5.490.000	5.490.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland,
Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thiết bị dụng cụ quản lý	
Nguyên giá TSCĐ hữu hình		
Số dư đầu năm	30.618.000	
Số tăng trong năm	-	
Số giảm trong năm	-	
Số dư cuối năm	30.618.000	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	30.618.000	
Số tăng trong năm	-	
- Khấu hao trong năm	-	
Số giảm trong năm	-	
Số dư cuối năm	30.618.000	
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình		
Tại ngày đầu năm	-	
Tại ngày cuối năm	-	
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	30.618.000	

8. Chi phí trả trước dài hạn

30/06/2022
VND

01/01/2022
VND

Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí khác chờ phân bổ	1.094.639	2.991.555
Cộng	1.094.639	2.991.555

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

30/06/2022
VND

01/01/2022
VND

Thuế thu nhập cá nhân	36.462.159	33.168.023
Thuế và các khoản phải nộp khác	26.659.720	26.659.720
Cộng	63.121.879	59.827.743

10. Chi phí phải trả

30/06/2022
VND

01/01/2022
VND

Trích trước phí kiểm toán	19.999.998	40.000.000
Chi phí phải trả khác	8.250.872	9.950.711
Cộng	28.250.870	49.950.711

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(2.569.344.405)	229.006.738	-	(2.340.337.667)
Cộng	26.430.655.595	229.006.738	-	26.659.662.333

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2022	Tỷ lệ	01/01/2022
		VND		VND
Vốn góp của cổ đông là pháp nhân	0%	-	0%	-
Vốn góp của cổ đông cá nhân	100%	29.000.000.000	100%	29.000.000.000
Cộng	100%	29.000.000.000	100%	29.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland,
Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	29.000.000.000	29.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.000.000.000	29.000.000.000
d) Cổ phiếu	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu bán ra	2.900.000	2.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.900.000	2.900.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.900.000	2.900.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)</i>		
12. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.266.886	32.033.504
Số tăng trong năm	302.236	30.687.007.599
- <i>Lãi từ tiền gửi của NĐT</i>	2.236	277.599
- <i>Nhận tiền ủy thác đầu tư</i>		2.018.000.000
- <i>Thu chuyển nhượng cổ phiếu</i>		28.658.110.000
- <i>Cổ tức được nhận</i>	-	10.400.000
- <i>Thu khác</i>	300.000	220.000
Số giảm trong năm	300.000	30.716.774.217
- <i>Phí quản lý tài khoản, phí khác</i>		127.208.401
- <i>Rút vốn ủy thác đầu tư</i>		28.550.387.706
- <i>Chi chuyển nhượng cổ phiếu</i>		2.010.000.000
- <i>Chi khác</i>	300.000	29.178.110
Số dư cuối năm	2.269.122	2.266.886

13. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (xem Phụ lục 02)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ		
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	120.000.000	443.678.081
Doanh thu từ hoạt động tư vấn ĐTCK	860.000.000	276.000.000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	240.170.242	1.000.000.000
Doanh thu hoạt động khác	3.600.000	41.122.336
Cộng	1.223.770.242	1.760.800.417
2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán		
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	-
Cộng	-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	572.347	536.515
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	720.000.000	-
Cộng	720.572.347	536.515
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.509.970.747	1.416.799.589
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	205.258.199	217.216.463
Cộng	1.715.228.946	1.634.016.052

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland,
Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	229.006.738	127.320.880
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	106.905	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	106.905	-
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	106.905	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	229.113.643	127.320.880
Lỗi các năm trước chuyển sang	(229.113.643)	(127.320.880)
Tổng thu nhập chịu thuế sau khi trừ chuyển lỗ	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	-	-

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	229.006.738	127.320.880
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	229.006.738	127.320.880
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	79	44

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland,
Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tiền lương, thù lao và các khoản thu nhập khác	467.314.928	559.230.838

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Ông Cao Duy Đông	Cổ đông	Thuê văn phòng	47.500.000

Cho đến ngày 30/06/2022, không có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

2.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.186.221.629	-	16.760.364.637	-
Đầu tư ngắn hạn	7.176.735.722	-	9.876.735.722	-
Phải thu khách hàng	-	-	-	-
Phải thu hoạt động dịch vụ	550.000.000	-	49.963.842	-
Trả trước cho người bán	64.000.000	(44.000.000)	64.000.000	(44.000.000)
Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	26.976.957.351	(44.000.000)	26.751.064.201	(44.000.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG**

Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland,
Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2022	01/01/2022
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán	-	-
Phải trả khác	276.300	-
Chi phí phải trả	28.250.870	49.950.711
Cộng	28.527.170	49.950.711

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán và soát xét.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Dung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc



Lê Quỳnh Chi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2022